BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16KKT

TÊN HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC — ĐỢT HỌC 8
MÃ HỌC PHẦN : MGT_403 — TÍN CHỈ 3
Ngày thi: 16/09/2012 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					10		10		25				55	100		
1	152317473	Dương Thị Kim	Ngân	B16KKT	0		0		0				HP	0.0	Không	
2	152317481	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	B16KKT	8		8.4		8.5				6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn	
3	152317501	Trương Thị	Thủy	B16KKT	0		0		0				HP	0.0	Không	
4	152317504	Hoàng Thị Hiền	Trang	B16KKT	8		7.2		8.5				2.3	0.0	Không	
5	162310372	Nguyễn Thị Thu	Ba	B16KKT	10		8.4		8.5				6.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
6	162310373	Võ Quang Thanh	Bình	B16KKT	0		0		0				V	0.0	Không	
7	162310374	Lê Thị Hoàng	Cúc	B16KKT	10		7.3		8				6.4	7.3	Bảy phẩy Ba	
8	162310376	Huỳnh Thị Phương	Dung	B16KKT	10		7.8		8.5				4.4	6.3	Sáu phẩy Ba	
9	162310379	Nguyễn Tiến	Dũng	B16KKT	0		0		0				HP	0.0	Không	
10	162310380	Ngô Thị	Đoan	B16KKT	10		8		8.5				4	6.1	Sáu phẩy Một	
11	162310382	Nguyễn Thị Thúy	Hà	B16KKT	0		0		0				V	0.0	Không	
12	162310384	Lê Thị Mỹ	Hằng	B16KKT	0		0		0				V	0.0	Không	
13	162310385	Dương Thị Thu	Hồng	B16KKT	10		8.1		8.5				6	7.2	Bảy phẩy Hai	
14	162310386	Phan Thi	Huyền	B16KKT	10		7.8		7.5				6.9	7.5	Bảy phẩy Năm	
15	162310387	Nguyễn Thị Thu	Hương	B16KKT	0		0		0				V	0.0	Không	
16	162310389	Lê Trung	Kiệt	B16KKT	10		9.6		8.5				9	9.0	Chín	
17	162310392	Phan Thị Mỹ	Linh	B16KKT	0		0		0				V	0.0	Không	
18	162310395	Nguyễn Thị Hiền	Lương	B16KKT	0		0		0				V	0.0	Không	
19	162310396	Hoàng Mai	Ly	B16KKT	10		7.6		7.5				6.6	7.3	Bảy phẩy Ba	
20	162310398	Ngô Thị Tuyết	Mai	B16KKT	10		8.6		8.5				5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
21	162310400	Lê Thị	Nga	B16KKT	10		8		8.5				6.1	7.3	Bảy phẩy Ba	
22	162310401	Đỗ Bảo	Ngân	B16KKT	10		7.4		8.5				6.8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
23	162310406	Trương Thị	Oanh	B16KKT	10		7.7		8				6	7.1	Bảy phẩy Một	
24	162310408	Đỗ Hoài	Phương	B16KKT	0		0		0				HP	0.0	Không	
25	162310409	Trần Thị	Phương	B16KKT	10		6.8		7.5				5.7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
26	162310413	Nguyễn Thị	Sơn	B16KKT	10		7.9		8.5				7.4	8.0	Tám	
27	162310414	Trịnh Hưng Thái	Sơn	B16KKT	10		8.4		8.5				5.8	7.2	Bảy phẩy Hai	
28	162310416	Nguyễn Trí	Tài	B16KKT	0		0		0				HP	0.0	Không	
29	162310417	Lê Thị Phương	Thảo	B16KKT	10		8.2		8.5				7.8	8.2	Tám phẩy Hai	
30	162310418	Võ Duy	Thịnh	B16KKT	10		7.8		8.5				7.7	8.1	Tám phẩy Một	
31	162310419	Nguyễn Đình	Thông	B16KKT	10		7.2		8.5				6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
32	162310420	Nguyễn Hoàng	Thơ	B16KKT	0		0		0				V	0.0	Không	
33	162310422	Hoàng Thị	Thùy	B16KKT	10		7.2		8				5.4	6.7	Sáu phẩy Bảy	
34	162310423	Lê Thị Thanh	Thủy	B16KKT	10		7.6		9.5				8.5	8.8	Tám phẩy Tám	
35	162310425	Phạm Thị Lệ	Thủy	B16KKT	10		7.4		8				5.9	7.0	Bảy	
36	162310428	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	B16KKT	10		8.4		8.5				9.3	9.1	Chín phẩy Một	
37	162310429	Mai Thị Xuân	Trang	B16KKT	10		6.8		8.5				V	0.0	Không	
38	162310431	Trần Thị Huyền	Trang	B16KKT	10		7.5		8.5				7.5	8.0	Tám	
39	162310432	Trần Thị Mỹ	Trắc	B16KKT	10		8.6		8.5				4.8	6.6	Sáu phẩy Sáu	
40	162310433	Trần Thanh Thục	Trân	B16KKT	10		6.8		8.5				7.3	7.8	Bảy phẩy Tám	
41	162310434	Huỳnh Thị Xuân	Triều	B16KKT	0		0		0				V	0.0	Không	
42	162310435	Hoàng Thị Thủy	Tú	B16KKT	10		8		9.5				8	8.6	Tám phẩy Sáu	
43	162310436	Nguyễn Anh	Tuấn	B16KKT	0		0		0				V	0.0	Không	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16KKT

TÊN HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC — ĐỢT HỌC 8
MÃ HỌC PHẦN : MGT_403 — TÍN CHỈ 3
Ngày thi: 16/09/2012 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					10		10		25				55	100		
44	**162310437**	Hồ Thị Ánh	**Tuyết**	**B16KKT**	10		7.4		7.5				3.5	**0.0**	*Không*	
45	**162310439**	Lê Thị Cẩm	**Vân**	**B16KKT**	10		6.6		8.5				4.9	**6.5**	*Sáu phẩy Năm*	
46	**162310440**	Kiều Nguyễn Thế	**Vũ**	**B16KKT**	8		8.4		8.5				3.5	**0.0**	*Không*	
47	**162310442**	Hoàng Thị Ngọc	**Ý**	**B16KKT**	10		7.3		8.5				7.7	**8.1**	*Tám phẩy Một*	
48	**162310444**	Nguyễn Bảo	**Yến**	**B16KKT**	10		6.8		7.5				7.3	**7.6**	*Bảy phẩy Sáu*	
49	**162310446**	Ông Thị	**Yến**	**B16KKT**	10		7.4		8.5				7.9	**8.2**	*Tám phẩy Hai*	
50	**162320353**	Vũ Thị Thùy	**Trang**	**B16KKT**	10		7.6		8.5				7	**7.7**	*Bảy phẩy Bảy*	
51	**162330807**	Trần Thị Kim	**Oanh**	**B16KKT**	10		7.2		8				7.9	**8.1**	*Tám phẩy Một*	
52	**162350447**	Trương Thị Thùy	**An**	**B16KKT**	10		7.3		8.5				7.8	**8.1**	*Tám phẩy Một*	
53	**162350472**	Lê Sỹ	**Hiếu**	**B16KKT**	10		7.4		8				7.6	**7.9**	*Bảy phẩy Chín*	
1	**16520626**	Lê Thị Hà	**Thu**	**B16QNH**	8		7.6		8.5				6.5	**7.3**	*Bảy phẩy Ba*	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	36	67%	
2	Số sinh viên nợ	18	33%	
TỔNG CỘNG :		**54**	**100%**	

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 09 năm 2012

LẬP BẢNG	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC TT ĐÀO TẠO BẰNG 2	PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
	(ký và ghi rõ họ tên)	*(ký và ghi rõ họ tên)*	*(ký và ghi rõ họ tên)*
Nguyễn T K Phượng	**Phạm Hồng Phương**	**Hồ Hà Đông**	**ThS. Nguyễn Hữu Phú**